| CHÍNH PHỦ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
|---|---|
| | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Số: 115/2016/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2016* |

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 24.31
ĐẾN Ngày: 25.7.16
Chuyển: ...

# NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 163/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

**"Điều 3. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp dụng**

1. Ngoài hình thức xử phạt chính là cảnh cáo và phạt tiền, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau:

a) Tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh; tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động hoặc quyết định chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy, thử nghiệm phân bón; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng; Giấy phép sản xuất phân bón; Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;

b) Đình chỉ có thời hạn hoạt động sản xuất, kinh doanh, cất giữ hóa chất nguy hiểm, hoạt động của cơ sở hóa chất Bảng, hóa chất DOC, DOC-PSF, hoạt động sản xuất phân bón, hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;

c) Hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm quy định tại Nghị định này là hình thức xử phạt bổ sung chỉ được áp dụng đối với loại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại Điều 26 Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Nguyên tắc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả quy định cụ thể tại khoản 6 Điều 5, khoản 6 Điều 14, khoản 8 Điều 14a, khoản 4 Điều 14b, khoản 4 Điều 14d, khoản 2 Điều 14e, khoản 3 Điều 14g, khoản 8 Điều 19, khoản 2 Điều 20, khoản 3 Điều 21, khoản 4 Điều 24, khoản 4 Điều 25 Nghị định này."

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

**"Điều 4. Áp dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính**

1. Hình thức xử phạt cảnh cáo quy định tại Nghị định này là hình thức xử phạt chính chỉ được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính có quy định hình thức xử phạt cảnh cáo và đối với cá nhân, tổ chức vi phạm có tình tiết quy định tại Điều 22 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Hình thức phạt tiền quy định tại Nghị định này là hình thức xử phạt chính và mức tiền phạt quy định tại Nghị định này là áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính do cá nhân thực hiện. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng hai lần mức phạt tiền đối với cá nhân."

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

"3. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (không áp dụng đối với lĩnh vực xăng dầu và LPG) như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nhưng không đề nghị cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng Kế hoạch hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng và cất giữ hóa chất nguy hiểm."

4. Bổ sung khoản 4a, 4b, 4c, 4d, 4đ vào Điều 5 như sau:

"4a. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng các đối tượng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất của cơ sở sản xuất hóa chất không đáp ứng yêu cầu về chuyên môn trong sản xuất hóa chất theo quy định.

4b. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về Phiếu an toàn hóa chất như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không ghi đầy đủ các nội dung trong Phiếu an toàn hóa chất đối với hóa chất nguy hiểm theo quy định;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin, nội dung sai lệch của hóa chất nguy hiểm trong Phiếu an toàn hóa chất;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi không có Phiếu an toàn hóa chất mà vẫn đưa hóa chất nguy hiểm vào sử dụng, lưu thông trên thị trường.

4c. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện phân loại hóa chất trước khi đưa hóa chất vào sử dụng, lưu thông trên thị trường theo quy định của pháp luật về ghi nhãn và phân loại hóa chất.

4d. Mức tiền phạt đối với hành vi sử dụng các đối tượng không được huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất trong cơ sở sản xuất hóa chất; sử dụng các đối tượng tham gia vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm là hóa chất nguy hiểm dùng trong sản xuất công nghiệp mà không được huấn luyện kỹ thuật an toàn trong vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm theo quy định:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng dưới 20 người;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng từ 20 người đến dưới 50 người;

c) Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng từ 50 người đến dưới 100 người;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng từ 100 người trở lên.

4đ. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về đóng gói hàng công nghiệp nguy hiểm dùng trong sản xuất công nghiệp để vận chuyển như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi trước khi đóng gói hóa chất nguy hiểm để vận chuyển chưa thử nghiệm, kiểm định phương tiện chứa theo quy định;

b) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện yêu cầu về đóng gói hóa chất nguy hiểm theo mức quy định đã đưa vào vận chuyển."

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 6 Điều 5 như sau:

"5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động sản xuất, kinh doanh, cất giữ hóa chất nguy hiểm từ 01 tháng đến 03 tháng trong trường hợp gây mất an toàn, gây hậu quả nghiêm trọng cho sức khỏe con người và môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện yêu cầu về chuyên môn trong sản xuất hóa chất đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4a Điều này;

b) Buộc cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin của hóa chất nguy hiểm trong Phiếu an toàn hóa chất; buộc thực hiện quy định về Phiếu an toàn hóa chất trước khi đưa hóa chất nguy hiểm vào sử dụng, lưu thông trên thị trường đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4b Điều này;

c) Buộc thực hiện phân loại hóa chất theo quy định của pháp luật về ghi nhãn, phân loại hóa chất trước khi đưa hóa chất vào sử dụng, lưu thông trên thị trường đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4c Điều này;

d) Buộc thực hiện quy định về huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất; huấn luyện kỹ thuật an toàn trong vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4d Điều này;

đ) Buộc thực hiện quy định về đóng gói hàng công nghiệp nguy hiểm khi vận chuyển đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4đ Điều này."

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

Áp dụng quy định tại Điều 8 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng để xử phạt các hành vi vi phạm về Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

Áp dụng quy định tại Điều 7 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP để xử phạt các hành vi vi phạm về hoạt động kinh doanh theo giấy phép kinh doanh.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

**"Điều 14. Hành vi vi phạm quy định về sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sản xuất, sang chai, đóng gói hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế sau đây:

a) Hóa chất, chế phẩm không đúng tiêu chuẩn đã đăng ký và được Bộ Y tế chấp thuận;

b) Hóa chất, chế phẩm không đúng xuất xứ đã đăng ký.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi đưa hóa chất, chế phẩm đã quá thời hạn sử dụng vào sản xuất, sang chai, đóng gói.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sản xuất, sang chai, đóng gói hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế sau đây:

a) Hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành tại Việt Nam;

b) Hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế trong Danh mục hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế cấm sử dụng tại Việt Nam.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký lưu hành của hóa chất, chế phẩm thuộc hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này. Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày có Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với hóa chất, chế phẩm vi phạm, tổ chức vi phạm không được phép nộp hồ sơ hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp hồ sơ đăng ký lưu hành hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế;

b) Tịch thu tang vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy hoặc buộc tái chế hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế còn có khả năng tái chế đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này;

c) Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này khi gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu trong dư luận xã hội."

9. Bổ sung Điều 14a như sau:

**"Điều 14a. Hành vi vi phạm quy định về buôn bán hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi buôn bán: Hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế hết hạn sử dụng; hóa chất, chế phẩm không phù hợp với tiêu chuẩn đã đăng ký và được Bộ Y tế chấp thuận; hóa chất, chế phẩm chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành tại Việt Nam có khối lượng đến dưới 5 kilôgam (hoặc lít) thành phẩm.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Buôn bán hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế hết hạn sử dụng; hóa chất, chế phẩm không phù hợp với tiêu chuẩn đã đăng ký và được Bộ Y tế chấp thuận; hóa chất, chế phẩm chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành tại Việt Nam có khối lượng từ 5 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 20 kilôgam (hoặc lít) thành phẩm;

b) Buôn bán hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế cấm sử dụng ở Việt Nam có khối lượng đến dưới 3 kilôgam (hoặc lít) thành phẩm.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Buôn bán hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế hết hạn sử dụng; hóa chất, chế phẩm không phù hợp với tiêu chuẩn đã đăng ký và được Bộ Y tế chấp thuận; hóa chất, chế phẩm chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành tại Việt Nam có khối lượng từ 20 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 100 kilôgam (hoặc lít) thành phẩm;

b) Buôn bán hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 3 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 5 kilôgam (hoặc lít) thành phẩm;

c) Tự ý sang chai, chiết lẻ hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế từ bao gói khối lượng lớn thành chai, gói nhỏ để buôn bán;

d) Người trực tiếp bán hóa chất, chế phẩm có hành vi bán và hướng dẫn sử dụng hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế không đúng quy định.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Buôn bán hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế hết hạn sử dụng; hóa chất, chế phẩm không phù hợp với tiêu chuẩn đã đăng ký và được Bộ Y tế chấp thuận; hóa chất, chế phẩm chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành tại Việt Nam có khối lượng từ 100 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 300 kilôgam (hoặc lít) thành phẩm;

b) Buôn bán hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế cấm sử dụng ở Việt Nam có khối lượng từ 5 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 10 kilôgam (hoặc lít) thành phẩm.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Buôn bán hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế hết hạn sử dụng; hóa chất, chế phẩm không phù hợp với tiêu chuẩn đã đăng ký và được Bộ Y tế chấp thuận; hóa chất, chế phẩm chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành tại Việt Nam có khối lượng từ 300 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 500 kilôgam (hoặc lít) thành phẩm;

b) Buôn bán hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 10 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 20 kilôgam (hoặc lít) thành phẩm.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Buôn bán hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế hết hạn sử dụng; hóa chất, chế phẩm không phù hợp với tiêu chuẩn đã đăng ký và được Bộ Y tế chấp thuận; hóa chất, chế phẩm chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành tại Việt Nam có khối lượng từ 500 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 1.000 kilôgam (hoặc lít) thành phẩm;

b) Buôn bán hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 20 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 30 kilôgam (hoặc lít) thành phẩm.

7. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Buôn bán hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế hết hạn sử dụng; hóa chất, chế phẩm không phù hợp với tiêu chuẩn đã đăng ký và được Bộ Y tế chấp thuận; hóa chất, chế phẩm chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành tại Việt Nam có khối lượng từ 1.000 kilôgam (hoặc lít) thành phẩm trở lên;

b) Buôn bán hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 30 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 50 kilôgam (hoặc lít) thành phẩm.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi trả lại nhà sản xuất để tiêu hủy hoặc tái chế hóa chất, chế phẩm còn có khả năng tái chế đối với các hóa chất, chế phẩm hết hạn sử dụng, không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 và điểm a khoản 7 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế cấm, không có tên trong Danh mục hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế được phép sử dụng, hạn chế sử dụng ở Việt Nam, thuốc dưới dạng ống tiêm thủy tinh đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 1; khoản 2; điểm a, b, d khoản 3; khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều này."

10. Bổ sung Điều 14b như sau:

**"Điều 14b. Hành vi vi phạm quy định về sử dụng hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế như sau:**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm sử dụng hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế không đúng với nội dung hướng dẫn sử dụng ghi trên nhãn, bao gói.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sử dụng hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành tại Việt Nam hoặc giấy phép nhập khẩu do Bộ Y tế cấp.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế cấm sử dụng ở Việt Nam;

b) Sử dụng hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế không đúng nội dung hướng dẫn ghi trên bao gói gây nguy hiểm cho người, động vật và làm ô nhiễm môi trường.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy hóa chất, chế phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này."

11. Bổ sung Điều 14c như sau:

**"Điều 14c. Hành vi vi phạm quy định về vận chuyển hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật an toàn về vận chuyển hóa chất, chế phẩm của phương tiện vận chuyển;

b) Vận chuyển hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế hóa học chung với lương thực, thực phẩm, hàng giải khát, thuốc và các hàng hóa vật tư tiêu dùng khác;

c) Vận chuyển hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế trên các phương tiện giao thông công cộng.

2. Vận chuyển hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế cấm; hóa chất, chế phẩm chưa có giấy chứng nhận đăng ký lưu hành tại Việt Nam hoặc giấy phép nhập khẩu của Bộ Y tế thì áp dụng xử phạt vi phạm hành chính như hành vi buôn bán hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế quy định tại Điều 14a Nghị định này."

12. Bổ sung Điều 14d như sau:

**"Điều 14d. Hành vi vi phạm quy định về nhập khẩu hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế không đúng với tiêu chuẩn đã đăng ký và được Bộ Y tế chấp thuận.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Nhập khẩu hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế không có giấy chứng nhận đăng ký lưu hành tại Việt Nam hoặc giấy phép nhập khẩu của Bộ Y tế;

b) Nhập khẩu hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế hết hạn sử dụng; hóa chất, chế phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế trong Danh mục hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế cấm sử dụng ở Việt Nam.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tái xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc tái xuất hoặc buộc tiêu hủy hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b khoản 2 và khoản 3 Điều này."

13. Bổ sung Điều 14đ như sau:

**"Điều 14đ. Hành vi vi phạm quy định về khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế mới không đúng quy trình khảo nghiệm do Bộ Y tế ban hành.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế thuộc danh mục hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế cấm sử dụng ở Việt Nam."

14. Bổ sung Điều 14e như sau:

**"Điều 14e. Hành vi vi phạm quy định về nhãn hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế có nhãn, nhãn phụ, tài liệu kèm theo có nội dung không đúng với giấy chứng nhận đăng ký lưu hành hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế; không đúng với nội dung ghi trong mẫu nhãn đã được chấp thuận khi xét duyệt đăng ký.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế có nhãn sai quy định hoặc buộc ghi lại nhãn theo đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này."

15. Bổ sung Điều 14g như sau:

**"Điều 14g. Hành vi vi phạm quy định về quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế không đúng theo giấy xác nhận quảng cáo do Bộ Y tế cấp.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế không có giấy xác nhận quảng cáo do Bộ Y tế cấp.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Đình chỉ việc quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này."

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 17 như sau:

"2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Sản xuất hóa chất Bảng 3, hóa chất Bảng 2 không đúng với nội dung ghi trong Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 3, hóa chất Bảng 2;

b) Xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 3, hóa chất Bảng 2 không đúng với nội dung ghi trong Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu;

c) Chuyển nhượng Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 3, hóa chất Bảng 2 cho doanh nghiệp khác;

d) Xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2 với mọi tổ chức, cá nhân của quốc gia không phải là thành viên Công ước Cấm vũ khí hóa học;

đ) Không có giấy chứng nhận sử dụng cuối cùng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của quốc gia không phải là thành viên Công ước mà vẫn xuất khẩu hóa chất Bảng 3 với tổ chức, cá nhân của quốc gia này.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất hóa chất Bảng 3, hóa chất Bảng 2 mà không có Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 3, hóa chất Bảng 2; xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 3, hóa chất Bảng 2 mà không có Giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền."

17. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 18 như sau:

"1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Phát triển, sản xuất, chế biến, tiêu dùng, kinh doanh, sở hữu, tàng trữ, sử dụng các hóa chất độc và tiền chất của chúng, các hóa chất Bảng 1 không được phép;

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không khai báo hoặc khai báo không đúng thực tế sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ hóa chất Bảng 1 theo quy định;

b) Không nộp thông báo về xuất khẩu hoặc nhập khẩu hóa chất Bảng 1 theo quy định;

c) Không nộp khai báo về xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối trong nước đối với từng hóa chất Bảng 1 trong năm trước theo quy định;

d) Không chấp hành việc kiểm chứng số liệu xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 do Tổ chức Cấm vũ khí hóa học hoặc Bộ Công Thương phối hợp cùng Cơ quan quốc gia Việt Nam tiến hành."

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

**"Điều 19. Hành vi vi phạm quy định về sản xuất, gia công phân bón, Giấy phép sản xuất, gia công phân bón**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xếp, để sản phẩm phân bón lẫn với nguyên liệu sản xuất tại nhà xưởng sản xuất phân bón;

b) Xếp, để sản phẩm phân bón tiếp xúc trực tiếp với nền nhà, mặt đất mà không kê lên kệ.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không có nội quy sản xuất, quy trình vận hành, biển chỉ dẫn, biển cảnh báo tại vị trí các dây chuyền sản xuất, nơi để nguyên liệu, sản phẩm trong nhà xưởng sản xuất.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi không lưu mẫu sản phẩm của từng lô phân bón xuất xưởng theo quy định về thời gian bảo quản mẫu lưu, trừ các mẫu nguyên liệu là khí tự nhiên, khí đồng hành và nguyên liệu phụ trợ; không lưu hồ sơ kết quả thử nghiệm của từng lô phân bón sản xuất đã xuất xưởng.

4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng người không có trình độ chuyên môn một trong các chuyên ngành như lý, hóa, sinh học, nông nghiệp để sản xuất phân bón.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không có thỏa thuận hoặc hợp đồng với phòng thử nghiệm được cơ quan có thẩm quyền chỉ định để đánh giá chất lượng phân bón hoặc có thỏa thuận hoặc hợp đồng nhưng không thực hiện thử nghiệm đánh giá chất lượng phân bón trước khi đưa phân bón ra kinh doanh.

6. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về Giấy phép sản xuất, gia công phân bón như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tự ý viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa, làm thay đổi nội dung trong Giấy phép sản xuất, gia công phân bón;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện thủ tục đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất phân bón; thủ tục đề nghị điều chỉnh Giấy phép sản xuất phân bón theo quy định nhưng vẫn sản xuất phân bón;

c) Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất gia công phân bón cho tổ chức khác mà không có Hợp đồng được ký kết giữa hai bên;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không nộp lại Giấy phép sản xuất, gia công phân bón theo quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất phân bón không đúng chủng loại phân bón được ghi trong Giấy phép sản xuất, gia công phân bón;

e) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, gia công phân bón ngoài địa điểm ghi trong Giấy phép sản xuất, gia công phân bón;

g) Phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng Giấy phép sản xuất, gia công phân bón của cá nhân, tổ chức khác để sản xuất; sản xuất, gia công phân bón khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép sản xuất, gia công phân bón;

h) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất phân bón khi cơ quan có thẩm quyền đã đình chỉ hoạt động hoặc tước quyền sử dụng Giấy phép sản xuất, gia công phân bón.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy phép sản xuất, gia công phân bón từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, e khoản 6 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động sản xuất, gia công phân bón từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, đ, g khoản 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc đáp ứng yêu cầu về chuyên môn trong sản xuất phân bón đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này."

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

**"Điều 20. Hành vi vi phạm yếu tố hạn chế trong sản xuất, gia công, kinh doanh phân bón**

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sản xuất, gia công, kinh doanh phân bón vượt mức yếu tố hạn chế theo quy định đối với phân bón hữu cơ, phân bón hữu cơ khoáng, phân bón khoáng hữu cơ, phân bón hữu cơ vi sinh, phân bón hữu cơ sinh học, phân bón sinh học, phân bón vi sinh và phân bón lá, phân bón có chất giữ ẩm, phân bón có chất tăng hiệu suất sử dụng, phân bón có khả năng tăng miễn dịch cây trồng, phân bón có chất điều hòa sinh trưởng, phân bón đất hiếm, phân bón cải tạo đất;

b) Sản xuất, gia công, kinh doanh phân bón vi phạm yếu tố độc hại (biuret, asen, cadimi, chì, thủy ngân, axit tự do) quy định tương ứng đối với từng loại phân bón vô cơ.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi để tiêu hủy phân bón nếu phân bón gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này."

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

**"Điều 21. Hành vi vi phạm quy định về kinh doanh phân bón**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi xếp phân bón lẫn với các loại hàng hóa khác hoặc không xếp phân bón lên kệ mà để phân bón tiếp xúc trực tiếp với nền nhà, mặt đất tại địa điểm kinh doanh.

2. Hành vi vi phạm về kinh doanh phân bón đã bị đình chỉ sản xuất, đình chỉ tiêu thụ, mức phạt như sau:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với trường hợp phân bón có giá trị dưới 1.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với trường hợp phân bón có giá trị từ 1.000.000 đồng đến dưới 2.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với trường hợp phân bón có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 3.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với trường hợp phân bón có giá trị từ 3.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với trường hợp phân bón có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với trường hợp phân bón có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với trường hợp phân bón có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng;

h) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với trường hợp phân bón có giá trị từ 30.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

i) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp phân bón có giá trị từ 40.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;

k) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng đối với trường hợp phân bón có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng;

l) Phạt tiền từ 13.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với trường hợp phân bón có giá trị từ 70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

m) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp phân bón có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi phân bón đã bị đình chỉ sản xuất, đình chỉ tiêu thụ;

b) Buộc tiêu hủy phân bón bị đình chỉ sản xuất, đình chỉ tiêu thụ có chứa hàm lượng kim loại nặng, vi sinh vật gây hại và các chất độc khác vượt mức quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này."

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

**"Điều 23. Hành vi vi phạm quy định về nhập khẩu phân bón**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tự ý viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa, làm thay đổi nội dung trong Giấy phép nhập khẩu phân bón một trong các trường hợp: Để khảo nghiệm; chuyên dùng cho sân thể thao, khu vui chơi giải trí; chuyên dùng của các công ty có vốn đầu tư nước ngoài để phục vụ cho sản xuất trong phạm vi của công ty; phân bón sử dụng trong các dự án của nước ngoài tại Việt Nam, làm quà tặng, làm hàng mẫu; phân bón tham dự hội chợ, triển lãm; phục vụ nghiên cứu khoa học; trong Giấy phép nhập khẩu tự động đối với một số mặt hàng phân bón.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy phép nhập khẩu phân bón từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này."

22. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

**"Điều 24. Hành vi vi phạm quy định về lấy mẫu phân bón; phân tích, thử nghiệm chất lượng phân bón**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây vi phạm quy định về lấy mẫu phân bón để đánh giá chứng nhận hợp quy hoặc phục vụ quản lý nhà nước, trong đó có phục vụ xử lý vi phạm hành chính:

a) Không hoặc chưa có chứng chỉ đào tạo về lấy mẫu phân bón đã thực hiện việc lấy mẫu phân bón;

b) Không áp dụng phương pháp lấy mẫu theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc theo tiêu chuẩn quốc gia về lấy mẫu phân bón;

c) Không áp dụng phương pháp phân tích, thử nghiệm mẫu theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc theo tiêu chuẩn quốc tế hoặc tiêu chuẩn cơ sở được nhà sản xuất, nhà nhập khẩu công bố áp dụng.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không công bố phương pháp lấy mẫu, phương pháp phân tích, thử nghiệm mẫu theo quy định hoặc không công bố phương pháp lấy mẫu, phương pháp phân tích mẫu theo tiêu chuẩn cơ sở đối với loại phân bón chưa có quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia.

3. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về chứng nhận hợp quy, thử nghiệm phân bón:

a) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện phân tích, thử nghiệm chất lượng phân bón khi chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận hay chỉ định;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện phân tích, thử nghiệm chất lượng phân bón đối với loại phân bón nằm ngoài phạm vi được chỉ định.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động hoặc quyết định chỉ định từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ kết quả lấy mẫu phân bón, kết quả phân tích, thử nghiệm chất lượng phân bón đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này."

23. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

**"Điều 25. Hành vi vi phạm quy định về khảo nghiệm phân bón**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây vi phạm quy định về khảo nghiệm phân bón, lưu giữ hồ sơ khảo nghiệm phân bón:

a) Không gửi đề cương khảo nghiệm phân bón đã được phê duyệt cho địa phương nơi khảo nghiệm để có căn cứ kiểm tra việc thực hiện khảo nghiệm phân bón;

b) Không lưu giữ hồ sơ khảo nghiệm phân bón đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp kết quả sai so với kết quả khảo nghiệm phân bón;

b) Không thực hiện khảo nghiệm phân bón hoặc thực hiện khảo nghiệm không đúng quy định nhưng vẫn cấp kết quả khảo nghiệm hoặc quyết định việc đưa phân bón vào sản xuất hoặc nhập khẩu.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây vi phạm quy định về điều kiện để được thực hiện khảo nghiệm phân bón:

a) Không đáp ứng yêu cầu về nhân lực theo quy định mà cơ sở khảo nghiệm phân bón, cơ sở sản xuất hoặc nhập khẩu phân bón tự khảo nghiệm vẫn thực hiện khảo nghiệm, công bố kết quả khảo nghiệm phân bón;

b) Không có chức năng, nhiệm vụ khảo nghiệm phân bón hoặc nghiên cứu phân bón trong quyết định thành lập do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với cơ sở khảo nghiệm phân bón mà vẫn thực hiện khảo nghiệm, công bố kết quả khảo nghiệm phân bón;

c) Không có Giấy phép sản xuất phân bón (đối với cơ sở sản xuất phân bón) theo quy định mà cơ sở sản xuất hoặc nhập khẩu phân bón tự khảo nghiệm vẫn tổ chức thực hiện khảo nghiệm, công bố kết quả khảo nghiệm phân bón.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ kết quả khảo nghiệm phân bón đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều này."

24. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

**"Điều 38. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng trong lĩnh vực hóa chất; đến 50.000.000 đồng trong lĩnh vực phân bón, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp có thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, h, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng trong lĩnh vực hóa chất; phạt tiền đến 100.000.000 đồng trong lĩnh vực phân bón, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp có thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 3 Nghị định này."

25. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:

**"Điều 39. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra**

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính không vượt quá mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và đ khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Chánh Thanh tra Sở, Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và thú y, Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các chức danh tương đương được Chính phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng trong lĩnh vực hóa chất, 50.000.000 đồng trong lĩnh vực phân bón, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp có thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính không vượt quá mức tiền phạt quy định tại điểm b Khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở, trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của cơ quan quản lý nhà nước được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất; đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực phân bón, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp có thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính không vượt quá mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

5. Chánh Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường, Cục trưởng Cục Hóa chất, Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và môi trường công nghiệp, Cục trưởng Cục Thú y, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Cục trưởng Cục Chế biến, thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối, Cục trưởng Cục Quản lý dược, Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế, Cục trưởng Cục Y tế dự phòng, Cục trưởng Cục An toàn vệ sinh thực phẩm và các chức danh tương đương được Chính phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực phân bón, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp có thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 3 Nghị định này."

26. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

**"Điều 40. Thẩm quyền của Công an nhân dân**

1. Chiến sỹ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp.

2. Trạm trưởng, đội trưởng Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp.

3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và đ khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

4. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát đường thủy; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát trật tự, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh văn hóa, tư tưởng, Trưởng phòng An ninh thông tin có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực phân bón, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp có thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh, Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực phân bón, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp có thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

6. Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục An ninh văn hóa, tư tưởng, Cục trưởng Cục An ninh thông tin, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt, Cục trưởng Cục Cảnh sát đường thủy, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực phân bón, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp có thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 3 Nghị định này."

27. Bổ sung Điều 40a như sau:

"**Điều 40a. Thẩm quyền của Hải quan**

1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp.

2. Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục kiểm tra sau thông quan, có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp.

3. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Đội trưởng Đội thủ tục Hải quan, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ, g, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp có thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ, g, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

5. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực phân bón, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ, g, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 3 Nghị định này."

28. Bổ sung Điều 40b như sau:

**"Điều 40b. Thẩm quyền của Quản lý thị trường**

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp.

2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

3. Chi Cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương, Trưởng phòng chống buôn lậu, Trưởng phòng chống hàng giả, Trưởng phòng kiểm soát chất lượng hàng hóa thuộc Cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp có thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng trong lĩnh vực hóa chất; phạt tiền đến 100.000.000 đồng trong lĩnh vực phân bón, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp có thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 3 Nghị định này."

29. Bổ sung Điều 40c như sau:

**"Điều 40c. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội biên phòng**

1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp.

3. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Tiểu khu biên phòng, Chỉ huy trưởng biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực phân bón, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

4. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực phân bón, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp có thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 3 Nghị định này."

30. Bổ sung Điều 40d như sau:

**"Điều 40d. Thẩm quyền của Cảnh sát biển**

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và đ khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực phân bón, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

6. Chỉ huy trưởng Vùng Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng trong lĩnh vực hóa chất; phạt tiền đến 50.000.000 đồng trong lĩnh vực phân bón, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

7. Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa chất, đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực phân bón, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp có thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 3 Nghị định này."

31. Bổ sung Điều 40đ như sau:

**"Điều 40đ. Phân định thẩm quyền của Công an nhân dân, Hải quan, Thanh tra chuyên ngành, Cảnh sát biển và Bộ đội biên phòng**

1. Những người có thẩm quyền của cơ quan Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 40 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Những người có thẩm quyền của cơ quan Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính về xuất khẩu, nhập khẩu, các dịch vụ liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12; điểm a, b, d, đ khoản 2 và khoản 3 Điều 17; điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 18; Điều 23; khoản 4, điểm a khoản 6 Điều 35 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 40a Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Những người có thẩm quyền của Thanh tra có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 39 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Những người có thẩm quyền của Bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Điều 40c Nghị định này thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình.

5. Những người có thẩm quyền của Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Điều 40d Nghị định này thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình."

**Điều 2. Bãi bỏ các quy định hiện hành**

Bãi bỏ các quy định tại Điều 22, Điều 26, Điều 27, Điều 28 Nghị định số 163/2013/NĐ-CP.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 9 năm 2016.

**Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Y tế có trách nhiệm theo dõi, thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

***Nơi nhận:***
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn: TKV, Dầu khí, Hóa chất;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTN (3b).M 228

**TM. CHÍNH PHỦ**
**THỦ TƯỚNG**

CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM

**Nguyễn Xuân Phúc**